

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/DS-ST
Ngày: 20-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Thơ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thống Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1071/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023. Về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST-DS, ngày ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Tuấn D**, sinh năm 1991 – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2; Địa chỉ: Số A, A, Phạm Ngọc T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm 1985.

Chị **Lê Thúy H**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Võ Văn H1**, sinh năm 1981 - Đại diện Hộ kinh doanh H3. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

(Anh Duy có mặt; Anh H1 có văn bản xin vắng mặt; Anh T1, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Huỳnh Tuấn D – Đại diện HKD Cửa hàng T2 trình bày:*

Năm 2017, anh T1, chị H có mua nợ thức ăn chăn nuôi của H2 kinh doanh Cửa hàng T2 do anh Võ Văn H1 làm đại diện. Tính đến ngày 01/1/2017, anh T1, chị H còn nợ H2 kinh doanh Cửa hàng T2 1 số tiền 99.760.000 đồng, các bên có làm giấy xác nhận nợ cùng ngày, có chữ ký và chữ viết họ tên của anh T1, chị H.

Ngày 01/10/2022, anh Võ Văn H1 có thoả thuận chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ lại cho anh Huỳnh Tuấn D để anh D khởi kiện thu hồi nợ.

Nay anh Huỳnh Tuấn D – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2 yêu cầu anh Nguyễn Hữu T1, chị Lê Thúy H trả cho anh D – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2 1 số tiền nợ vốn là 99.760.000 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/10/2023 là 48.024.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Tại phiên toà, anh D – Đại Hộ kinh doanh Cửa hàng T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn còn nợ 99.760.000 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), xin rút yêu cầu đối với số tiền lãi là 48.024.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

** Từ khi thụ lý vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu T1, chị Lê Thúy H đã được triệu tập hợp lệ đến các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các phiên tòa xét xử vụ án, nhưng đến nay vẫn vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn H1 trình bày:*

Anh Võ Văn H1 thống nhất với lời trình bày của anh Huỳnh Tuấn D. Anh T1, chị H có mua thức ăn chăn nuôi của Cửa hàng T2 và còn nợ lại số tiền 99.760.000 đồng. Anh H1 đã có văn bản chuyển giao quyền thu hồi nợ của anh H1 cho anh Huỳnh Tuấn D nên việc thu hồi nợ do anh D quyết định. Ngoài ra, anh H1 không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh D1 – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2 khởi kiện yêu cầu anh T1, chị H trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ; Anh T1, chị H có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

[1.2] Về chấp hành pháp luật: Bị đơn anh Nguyễn Hữu T1, chị Lê Thúy H đã được triệu tập hợp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2 về việc yêu cầu anh Nguyễn Hữu T1 và chị Lê Thúy H trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ 99.760.000 đồng là có cơ sở chấp nhận vì:

[2.1] Đối với Giấy xác nhận nợ ngày 01/01/2017:

Xét thấy, nội dung Giấy xác nhận nợ thể hiện anh T1, chị H có mua thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y sản của Cửa hàng T2 do anh Võ Văn H1 làm đại diện. Đến ngày 01/01/2017, anh T1, chị H còn nợ số tiền 99.760.000 đồng, anh T1 và chị H có ký tên và ghi họ tên trong Giấy xác nhận nợ.

Ngày 01/10/2022, anh Võ Văn H1 có thoả thuận chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ lại cho anh Huỳnh Tuấn D để anh D khởi kiện thu hồi nợ đối với anh T1, chị H. Anh T1, chị H đã được thông báo công khai tài liệu, chứng cứ cũng như nội dung vụ án nhưng đến nay anh T1, chị H không có văn bản trình bày ý kiến nên căn cứ Điều 365 của Bộ luật Dân sự xem như bị đơn đồng ý với việc chuyển giao quyền yêu cầu trả nợ giữa anh H1 và anh D.

Anh D cam kết chữ ký và chữ viết họ tên "Nguyễn Hữu T1", "Lê Thúy H" trong Giấy xác nhận nợ ngày 01/01/2017 là do anh T1, chị H ký và viết họ tên. Anh D cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời trình bày của mình.

[2.2] Đối anh T1, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Căn cứ Điều 70, Điều 73, Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Đ đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh D là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3] Theo đơn khởi kiện, anh D yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/10/2023 là 48.024.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh D xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền 48.024.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh D rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 48.024.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Hữu T1 và chị Lê Thúy H phải chịu 4.988.000 đồng (Bốn triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả là 99.760.000 đồng.

Anh Huỳnh Tuấn D – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.695.000 đồng (Ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002772 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 73, Điều 91, Điều 96, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 365, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2 1 với số tiền lãi là 48.024.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2.

Buộc anh Nguyễn Hữu T1 và chị Lê Thúy H có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh Tuấn D – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2 số tiền mua thức ăn chăn

nuôi còn nợ là 99.760.000 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Hữu T1 và chị Lê Thúy H phải chịu 4.988.000 đồng (Bốn triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Huỳnh Tuấn D – Đại diện Hộ kinh doanh Cửa hàng T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.695.000 đồng (Ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002772 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Minh Hiền - Huỳnh Thị Kim Thơ

Hồ Quốc Thái